

VỀ KHÁI NIỆM NHÓM TỪ VỤNG - NGỮ NGHĨA VÀ NHÓM CHỦ ĐỀ TRONG NGHIÊN CỨU TỪ VỤNG TIẾNG NGA

Tạ Thị Viêng

Khoa NN & VH Nga ĐHQGHN - ĐHQGHN

Trong những năm gần đây khi nói đến các nhóm từ vựng - ngữ nghĩa, các nhà ngôn ngữ học đều thấy sự cần thiết phải phân biệt hai khái niệm nhóm từ vựng - ngữ nghĩa và nhóm chủ đề. Việc phân biệt này có ý nghĩa quan trọng trong ngữ nghĩa học vì nó giúp các nhà nghiên cứu tránh được sự lầm lẫn trong cách sử dụng thuật ngữ, trong sự hiểu khác nhau nội dung của hai khái niệm đó. Theo F. Filin, nhà ngôn ngữ học Nga, “nhóm từ vựng-ngữ nghĩa là tập hợp của hai hay nhiều từ căn cứ theo ý nghĩa từ vựng của chúng”. ý nghĩa từ vựng được F. Filin quan niệm là nội dung sự vật của từ (với nghĩa rộng của từ này), là sự tương quan của từ với thế giới khách quan các đồ vật, quá trình, hiện tượng... Như vậy nhóm từ vựng-ngữ nghĩa là hiện tượng của ngôn ngữ, hình thành trên cơ sở ngữ nghĩa chung của các từ trong nhóm, cần được phân biệt với các nhóm chủ đề, hiện tượng có tính chất lô-gích, tập hợp các từ theo nội dung khái niệm mà chúng biểu thị, hoặc theo chủ điểm hay phạm vi sử dụng. Nhóm chủ đề hầu như không quan tâm tới việc các từ nằm trong quan hệ ngữ nghĩa như thế nào với nhau. Nói cách khác, nhóm chủ đề liên kết các từ biểu hiện sự vật có sự giống nhau hoặc đồng nhất về chức năng và quá trình tiến triển. Theo F. Filin từ vựng có thể phân theo các nhóm chủ đề theo các mục đích hoàn toàn khác nhau, trong đó thành phần của nhóm có thể thay đổi mà không gây ra sự biến đổi nào trong ý

nghĩa hay sắc thái tu từ của các từ trong nhóm. Trong khi đó các nhóm từ vựng-ngữ nghĩa, đặc biệt là các nhóm đồng nghĩa gắn bó chặt chẽ với nhau về ngữ nghĩa đến nỗi các thành tố của nó không thể tự do di chuyển mà không làm tổn hại đến các quan hệ ngữ nghĩa giữa chúng. Ví dụ, trong nhóm chủ đề tên gọi các bộ phận cơ thể người từ *ебет* có thể được thay bằng từ *спина* mà không ảnh hưởng đến ý nghĩa các từ *нога, рука, нос, сердце, печень ...* Trong khi đó giữa các từ *ооооу* và *ууууо* có mối liên hệ ngữ nghĩa rất chặt chẽ. Trong một ngữ cảnh nhất định hai từ *ооооу* và *ууууо* có thể thay thế cho nhau. Ví dụ: *Взвалить мешок на хребет* và *Взвалить мешок на спину*.

Qua xem xét việc so sánh đối chiếu hai nhóm từ vựng - ngữ nghĩa và nhóm chủ đề của F. Filin có thể rút ra kết luận sau: Trong phạm vi một nhóm chủ đề có thể tách ra những nhóm từ vựng-ngữ nghĩa nhỏ. Ví dụ, trong nhóm chủ đề tên gọi các bộ phận cơ thể người có thể tách ra nhóm từ vựng - ngữ nghĩa hạn chế về thành phần như: *хребет - спина, руки - ноги, глаза - уши (Разведчики - глаза и уши командир)*. Mỗi nhóm từ vựng ngữ nghĩa đồng thời có thể là một nhóm chủ đề (hạn chế về thành phần), nhưng ngược lại, không phải bất kỳ nhóm chủ đề nào cũng có thể là nhóm từ vựng-ngữ nghĩa. Cái chung giữa nhóm chủ đề và nhóm từ vựng - ngữ nghĩa là chúng cùng phản ánh thế giới khách quan được con người nhận thức. Do vậy F. Filin nhấn mạnh rằng “bất kỳ nhóm từ vựng-ngữ nghĩa nào cũng có chủ đề của mình ngay cả các nhóm từ đồng nghĩa rất gần gũi nhau. ở phương diện này không thể phân định các từ ra các nhóm chủ đề hay nhóm từ vựng - ngữ nghĩa. Hơn nữa bất kỳ nhóm từ vựng - ngữ nghĩa nào cũng tham gia vào sự thống nhất chủ đề của các từ là bộ phận cấu thành của nhóm chủ đề. Vì vậy tính tương quan chủ đề là một đặc trưng của nhóm từ vựng - ngữ nghĩa (tuy không phải là đặc trưng duy nhất và quyết định)”.

Theo F. Filin, sự khác nhau giữa nhóm chủ đề và nhóm từ vựng-ngữ nghĩa là ở chỗ nhóm từ vựng-ngữ nghĩa là sản phẩm của những

qui luật phát triển ngữ nghĩa-từ vựng của ngôn ngữ, trong khi đó sự tồn tại hay không tồn tại của các nhóm chủ đề phụ thuộc chỉ ở trình độ kiến thức của một dân tộc nào đó, phụ thuộc vào những kỹ năng phân loại các hiện tượng thiên nhiên được biểu hiện bằng từ. Nếu chúng ta coi ý nghĩa là không đồng nhất với khái niệm thì cũng không nên đồng nhất các mối liên hệ giữa ý nghĩa các từ với những mối liên hệ giữa các khái niệm.

Tiếp sau F. Filin, V. Kадukhốp, V. Gác, Đ. N. Smêliốp và một số nhà ngôn ngữ học khác cũng cho rằng trong ngữ nghĩa học cần thiết phải phân biệt nhóm từ vựng-ngữ nghĩa và nhóm chủ đề. Giữa các nhà ngôn ngữ học đều có một ý kiến thống nhất là các nhóm chủ đề được phân suát ra nhờ những mối liên hệ bên ngoài ngôn ngữ, trên cơ sở sự tương đồng sự vật-lô gích (предметно — логическ ъ общность). Mối liên hệ giữa các từ trong các nhóm này bị qui định bởi mối liên hệ giữa các sự vật hay hiện tượng trong thực tế khách quan được biểu thị bằng từ. Nhóm từ vựng-ngữ nghĩa được phân suát trên cơ sở tương đồng trong ý nghĩa giữa các từ. Mối liên hệ giữa các từ trong nhóm từ vựng - ngữ nghĩa bị qui định bởi chính cấu trúc ngữ nghĩa của nhóm từ vựng - ngữ nghĩa. Giữa nhóm từ vựng - ngữ nghĩa và nhóm chủ đề có những đặc điểm chung cho nên cần thiết phải phân biệt chúng để thấy rõ mối liên hệ ngữ nghĩa giữa các từ trong hệ thống từ vựng.

Phương pháp xác lập nhóm từ vựng-ngữ nghĩa

Khi nói về phương pháp nghiên cứu cần khẳng định rằng mục đích nghiên cứu qui định phương pháp nghiên cứu. Thủ tục xác lập các nghĩa vị để căn cứ vào đó mà xác lập nhóm từ vựng-ngữ nghĩa đòi hỏi người nghiên cứu phải có được một phương pháp tối ưu. Trong ngôn ngữ học hiện đại, để nghiên cứu đặc điểm hệ thống của các nhóm từ vựng-ngữ nghĩa người ta đã sử dụng nhiều phương pháp khác nhau: phương pháp phân bố, phương pháp cải biến, phương pháp tâm lý - ngôn ngữ, phương pháp thống kê, phương pháp phân tích theo thành tố. Mỗi phương pháp đều có những mặt mạnh và mặt

yếu. Một trong những phương pháp nghiên cứu ngữ nghĩa phổ biến rộng rãi trong giai đoạn hiện nay là phân suất 'cấu trúc ý nghĩa' của từ ra các thành tố ý nghĩa hay còn gọi là phân tích theo thành tố ngữ nghĩa. (Trong ngôn ngữ học có hai cách hiểu về cấu trúc ngữ nghĩa: cách hiểu thứ nhất cho cấu trúc ngữ nghĩa của từ là tổng thể các ý nghĩa của từ đó được tổ chức lại theo quan hệ tôn ti, bao gồm cả nghĩa chính, nghĩa phái sinh, nghĩa đen và nghĩa bóng. Cách hiểu thứ hai cho cấu trúc ngữ nghĩa là tổng thể các nghĩa vị tạo nên một ý nghĩa của từ. Chúng tôi theo quan điểm thứ hai.) Trong những năm gần đây, phương pháp phân tích theo thành tố đã mang lại kết quả thoả đáng trong nghiên cứu ngữ nghĩa nói chung, nghiên cứu các vấn đề đồng nghĩa và nhiều nghĩa trong từ vựng và ngữ pháp nói riêng.

Theo N. Đolghikh, có ba khuynh hướng phân tích ngữ nghĩa theo thành tố (khuynh hướng lô-gích, khuynh hướng ngôn ngữ, khuynh hướng lô gích-ngôn ngữ) mà mỗi nhà nghiên cứu có thể chọn một trong ba hoặc có thể sử dụng cả ba phương pháp vào nghiên cứu cấu trúc ngữ nghĩa của từ.

Trong lịch sử nghiên cứu ngữ nghĩa, các thành tố của cấu trúc ngữ nghĩa được phân suất ra có những tên gọi khác nhau: yếu tố khu biệt (дифференциальный элемент), nét khu biệt (дифференциальный признак), thừa số ngữ nghĩa (семантический множитель), nghĩa vị (сема), trong đó thuật ngữ 'nghĩa vị' (сема) do Xkalitrka đưa ra được sử dụng rộng rãi hơn cả. Tuy nhiên phải thấy rằng, ngay thuật ngữ ấy trong giới ngôn ngữ học cũng chưa được hiểu nhất quán. Chẳng hạn, G. khelbig quan niệm nghĩa vị là thành tố ý nghĩa sơ đẳng được hiện thực hoá trong lòng một từ vị (лексема), hoặc trong lòng một ý nghĩa (семем). Nghĩa vị theo cách hiểu của G. khelbig vừa là một ý nghĩa của từ, vừa là một thành tố tạo nên ý nghĩa của từ. Khác với G. Khelbig, A. Greim từ quan niệm nghĩa vị là những thành phần cấu tạo nên từ vị. Mỗi từ được cấu tạo từ nhiều nghĩa vị: S1, S2, S3... như vậy mỗi nghĩa vị theo A. Greim từ tương đương với một ý nghĩa của từ. G. Vochak lại cho rằng nghĩa vị được

phân suất ra từ những đơn vị lớn hơn nó, đó là ý nghĩa từ (семем). Mỗi ý nghĩa của từ là một chùm các nghĩa vị được xếp đặt theo một trật tự nhất định. Như vậy nghĩa vị không phải là một ý nghĩa mà chỉ là một trong những thành phần cấu tạo nên ý nghĩa.

Rất gần với quan điểm của G. Vochak, V. Gács cũng có một định nghĩa nghĩa vị tương tự. Theo ông, cấu trúc ngữ nghĩa của từ là tổng thể các ý nghĩa sơ đẳng- các nghĩa vị. Mỗi nghĩa vị là sự phản ánh trong ý thức người bản ngữ những nét riêng biệt. Như vậy, cũng như G. Vochak, V. Gács cho rằng nghĩa vị là đơn vị nhỏ nhất của cấu trúc ý nghĩa một từ. Quan điểm này nhanh chóng được thừa nhận và khái niệm nghĩa vị giờ đây trong giới ngôn ngữ học được hiểu gần như nhất quán: Nghĩa vị là thành tố nhỏ nhất của ý nghĩa. Mỗi ý nghĩa gồm nhiều nghĩa vị, các nghĩa vị này kết hợp với nhau tạo thành một hệ thống nhất định.

Nghiên cứu về nghĩa vị, các nhà ngôn ngữ học thường phân nghĩa vị thành ba loại. Nghĩa vị phạm trù (рхисемы), nghĩa vị liên kết (интегральные семы), và nghĩa vị khu biệt (дифференциальные семы). Nghĩa vị phạm trù đóng vai trò đặc biệt trong việc tổ chức hệ thống từ vựng. Đó cũng là các nghĩa vị phức tạp và khái quát hơn các nghĩa vị tạo nên ý nghĩa của từ. Nghĩa vị phạm trù là nghĩa vị chung cho cả một lớp từ, nhờ nó hệ thống từ vựng được phân ra các nhóm từ vựng-ngữ nghĩa cơ bản hoặc có thể gọi khác đi là các tiểu hệ thống. Ví dụ, đối với các từ идти, ехать, плыть, лететь vv... nghĩa vị phạm trù là 'chuyển động'.

Nghĩa vị liên kết là thành tố ý nghĩa chung có trong ý nghĩa của các từ khác nhau trong một nhóm. Nghĩa vị này liên kết các từ vào những nhóm lớn, nhóm nhỏ thuộc những hệ dọc khác nhau. Trong nhóm từ vựng-ngữ nghĩa các từ có thể phân suất thành những nhóm nhỏ. Chính nhờ nghĩa vị liên kết mà từ trong mỗi nhóm từ vựng-ngữ nghĩa hợp thành những nhóm lớn hơn.

Nghĩa vị khu biệt làm cho các từ đối lập nhau trong hệ thống trực dọc. Nhờ các nghĩa vị này các đơn vị xác định vị trí của mình trong nội bộ một nhóm, một hệ thống.

Khái niệm nghĩa vị là khái niệm biến đổi. Cùng một nghĩa vị trong các nhóm từ vựng-ngữ nghĩa khác nhau có thể có chức năng khác nhau. Ngay trong cùng một nhóm từ vựng-ngữ nghĩa một nghĩa vị cũng có thể đồng thời hoàn thành hai chức năng. Ví dụ, nghĩa vị 'chuyển động không phương tiện giao thông' có thể xuất hiện với tư cách là nghĩa vị liên kết khi các từ идти, ходить, бежать, ползать ... nhờ có nó tập hợp thành một nhóm nhỏ trong phạm vi nhóm từ vựng - ngữ nghĩa 'động từ chuyển động'. Đồng thời nó có thể xuất hiện với tư cách là nghĩa vị khu biệt khi nhờ nét nghĩa đó nhóm động từ này đối lập với nhóm động từ biểu hiện 'chuyển động có phương tiện giao thông' ехать, лететь, везти vv...

Tóm lại, có thể nói nhóm từ vựng- ngữ nghĩa là tập hợp những từ mà trong cấu trúc ngữ nghĩa của chúng ít nhất phải có một thành tố ngữ nghĩa chung. Đó là nghĩa vị phạm trù. Các từ trong nhóm từ vựng - ngữ nghĩa có thể tập hợp thành các nhóm lớn hơn và xác định được vị trí của mình là nhờ các nghĩa vị liên kết và nghĩa vị khu biệt. Việc tìm ra các nghĩa vị là kết quả của phương pháp phân tích theo thành tố ý nghĩa các từ theo quan hệ dọc. Qua đó có thể thấy rõ giữa vấn đề phân tích theo thành tố ý nghĩa và nhóm từ vựng-ngữ nghĩa có liên quan mật thiết với nhau. Nhóm từ vựng-ngữ nghĩa phải được xác lập bằng phương pháp phân tích theo thành tố ý nghĩa.

Trên đây chúng tôi đã xem xét các khái niệm nhóm từ vựng-ngữ nghĩa, nhóm chủ đề, xem xét các xuất phát điểm và mối liên quan giữa các khái niệm trên, đồng thời đã nêu ra phương pháp xác định phạm vi các nhóm từ vựng-ngữ nghĩa. Việc xem xét tất cả những khái niệm đó đặt nền móng cho việc nghiên cứu từ vựng tiếng Nga một cách có hiệu quả.